

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2026
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Nhân
- Ông Nguyễn Hoài Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2026/QĐXX ST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị D**, sinh năm 1984. CCCD: 020184000279.

Địa chỉ thường trú: Số D khu V, phường H, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987. CMND 362226652

Địa chỉ thường trú: Khu vực Rạch S, phường T, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2025 và trong quá trình tố tụng như sau:

Bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ năm 2012. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc và có với nhau một người con chung tên Nguyễn Thị Diễm M (nữ) sinh ngày 03/6/2012.

Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa bà và ông T thường bất hòa về tình cảm và không có tiếng nói chung, từ đó đến nay vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau nhiều lần hai bên hàn gắn nhưng không mang lại kết quả tốt đẹp. Giữa bà và ông T đã ly thân với nhau, từ khi phát sinh mâu thuẫn thì bà D và con gái cùng về nhà mẹ ruột của bà sinh sống cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà D và ông T có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Diễm M (nữ) sinh ngày 03/6/2012. Bà D đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập. Do ông T vắng mặt không lý do tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do chính đáng. Bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Phần phát biểu việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có ra thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thu thập chứng cứ của bị đơn đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa dân

sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt có lý do chính đáng, bị đơn vắng mặt không lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Giữa bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ). Đồng thời ông T có nơi cư trú tại địa bàn phường T, thành phố Cần Thơ, đây là hôn nhân hợp pháp thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Xét hôn nhân giữa bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn T đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân theo bà D là do bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm không có tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn đồng cảm và hạnh phúc như thời gian đầu chung sống, giữa bà D và ông T đã mỗi người sống mỗi nơi.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Bà D nhất quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Ông T không đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông cũng như cho thấy ông không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng duy trì cuộc sống hôn nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị D đối với ông Nguyễn Văn T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Giữa bà D và ông T có một người con chung tên là Nguyễn Thị Diễm M (nữ) sinh ngày 03/6/2012. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, thời gian qua cho đến hiện tại bà D đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bé Diễm M còn nhỏ cần sự chăm sóc của người cha, mẹ. Nay giữa bà D và ông T đã không còn chung sống với nhau và cháu M đang sống cùng bà D, nên căn cứ tại Khoản 2 Điều 81 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Ngày 13/01/2026 Tòa án có nhận được bản tự khai đề ngày 11/01/2026 của bé Diễm M (BL 29-30) thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ. Như vậy để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển về tâm sinh lý và quyền lợi cũng như sự ổn định của bé, Hội đồng xét xử quyết định giao bé Diễm M cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hội đồng xét xử dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho ông T, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Đồng thời bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp thuận. Ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chứng minh được bà D không nuôi dưỡng con chung tốt, không đảm bảo đủ các điều kiện để bé Diễm M phát triển toàn diện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về phía ông T, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý và thực hiện việc tổng đạt Quyết định xét xử theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Đối với bà D cũng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi

cho người vắng mặt Hội đồng xét xử dành quyền kháng cáo cho ông T, bà D theo quy định của pháp luật.

[7] Bà Hoàng Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Thị Diễm M (nữ), sinh ngày 03/6/2012 cho bà Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà D đã nộp theo biên lai thu số 0012112 ngày 11/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ thành án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 2 – Cần Thơ;*
- *Chi cục THADS khu vực 2 – Cần Thơ;*
- *TAND TP.CT;*
- *UBND phường Thới Long, TP Cần Thơ*
(nơi ĐKKH), số GCNKH số 158 ngày
18/9/2012.
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN**Nguyễn Thị Hải**